

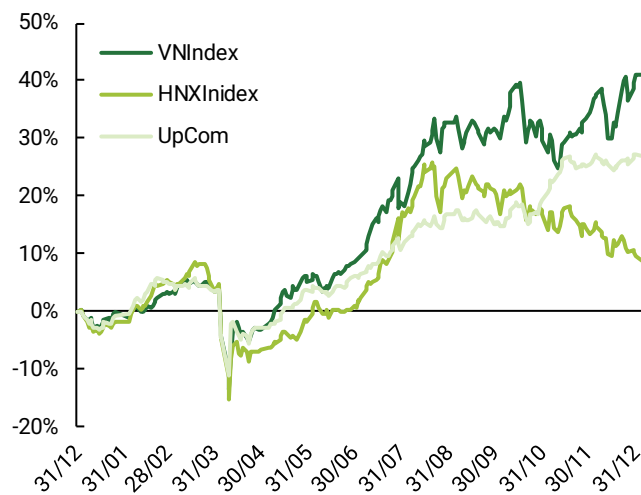
VN-Index **1816.27 (1.56%)**
 1011 Tr. cổ phiếu 27599.9 Tỷ VND (5.85%)

HNX-Index **246.52 (-0.09%)**
 106 Tr. cổ phiếu 2136.9 Tỷ VND (29.78%)

UPCOM-Index **120.14 (-0.39%)**
 44 Tr. cổ phiếu 560.9 Tỷ VND (3.46%)

VN30F1M **2062.00 (1.87%)**
 290,912 HD OI: 33,393 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1816.3, tăng +27.9 điểm (+1.56%). Thanh khoản tăng với độ rộng cải thiện về phía mua. VN30 tăng +27.3 điểm (+1.34%), trong khi HNXIndex giảm -0.2 điểm (-0.09%).
 - Điểm nhấn trong phiên:** Giao dịch khởi sắc hơn vào phiên chiều khi dòng tiền trở lại với nhóm Ngân hàng góp thêm phần vào động lực dẫn dắt. Bên cạnh đó, nhóm Vingroup tiếp tục duy trì là trụ cột quan trọng.
 - Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+6.9%), VRE (+6.9%), BCM (+4.4%) | Ngân hàng: MBB (+5.1%), VPB (+3.4%), TCB (+3.0%) | Du lịch và Giải trí: VPL (+2.9%), VJC (+2.3%) | Dầu khí: PLX (+6.8%), BSR (+3.4%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Xây dựng và Vật liệu: CII (-5.2%), DPG (-2.3%) | Dịch vụ tài chính: VDS (-2.1%), BSI (-0.4%) | Thực phẩm và đồ uống: NAF (-1.7%), SBT (-1.6%) | Công nghệ: FPT (-1.1%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, GAS, MBB, VPB, TCB - Chiều giảm | STB, FPT, MCH, DGC, HVN.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 380 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, VHM, DXS, trong khi mua ròng MBB, VPB, GEX.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến tăng Marubozu cùng thanh khoản trên mức bình quân 20 phiên đồng thuận chiều mua lên. Dẫu vậy, khớp lệnh chưa thật sự đủ lớn để xác nhận cho một phiên bùng nổ vượt đỉnh lịch sử. Thêm vào đó, chỉ báo RSI cũng gần tiếp cận mức quá mua, hàm ý VN-Index có thể đi lên trong rung lắc và xu thế lưỡng lự khả năng còn chi phối. Vận động có lẽ nghiêng về củng cố nền giá trên ngưỡng 1800 điểm. Kỳ vọng chỉ số duy trì được trên ngưỡng tâm lý này sẽ giúp dòng tiền lan tỏa sang các nhóm ngành khác và tạo ra sự đồng thuận tốt hơn. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh mốc 1760 - 1780 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1850 điểm.
- Đối với HNX-Index**, nỗ lực phục hồi chưa thành công và chỉ số vẫn đóng cửa trong sắc đỏ. Vận động cho thấy trạng thái giằng co, kiểm định lại khu vực đáy cũ quanh vùng 246 - 250. Kháng cự trong chiều hồi phục hiện là ngưỡng 258 - 260.
- Chiến lược chung:** Theo dõi tín hiệu củng cố trên ngưỡng 1800 điểm của VN-Index. Nếu vận động được giữ vững ở các phiên tới và dòng tiền trở lại lan tỏa, chiều mua có thể cân nhắc. Ở chiều thận trọng, vẫn cần lưu ý biến động ở nhóm cổ phiếu trụ cột có thể gây tác động lớn lên chỉ số chung. Nếu nhóm này điều chỉnh dễ gây áp lực lên thị trường. Các nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiện ích, Tiêu dùng, Dầu khí.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời PLX – Mua DHC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,816.3	▲	1.56%	2.8%	4.3%	27,599.9	▲	5.8%	33.0%	37.4%	1,010.8	▲	9.2%	57.7%	53.4%	
HNX-Index	246.5	▼	-0.09%	-1.6%	-5.4%	2,136.9	▲	29.8%	12.3%	72.2%	106.2	▲	34.7%	12.2%	64.6%	
UPCOM-Index	120.1	▼	-0.39%	-0.5%	-0.3%	560.9	▲	3.5%	32.6%	-19.4%	44.0	▲	13.5%	62.9%	-14.5%	
VN30	2,056.0	▲	1.3%	2.3%	4.1%	16,915.1	▲	11.1%	26.2%	52.2%	464.5	▲	16.0%	39.2%	60.9%	
VNMID	2,186.8	▬	0.1%	-2.0%	-5.3%	8,201.8	▼	-4.8%	48.5%	20.0%	372.3	▲	4.5%	79.1%	46.5%	
VNSML	1,458.5	▼	-0.15%	-1.4%	-4.2%	997.9	▼	-12.7%	0.1%	-24.9%	73.0	▼	-2.8%	15.3%	-16.8%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	636.2	▲	1.6%	0.25%	-0.7%	9,147.7	▲	37.70%	113.5%	64.8%	361.2	▲	43.7%	131.6%	64.2%	
Bất động sản	875.8	▲	1.9%	7.7%	16.2%	5,325.1	▲	10.7%	102.2%	34.1%	163.1	▲	23.4%	130.0%	42.4%	
Dịch vụ tài chính	306.1	▲	1.2%	-2.5%	-7.3%	2,780.2	▼	-31.7%	72.7%	5.6%	113.2	▼	-34.1%	73.6%	9.1%	
Công nghiệp	284.8	▬	0.7%	-1.8%	-0.9%	958.9	▼	-27.8%	44.9%	-19.8%	25.5	▼	-30.1%	52.8%	-8.3%	
Tài nguyên cơ bản	514.2	▬	0.1%	-2.6%	-3.8%	1,434.1	▼	-18.0%	124.0%	45.3%	59.9	▼	-17.4%	121.5%	36.1%	
Xây dựng - Vật Liệu	181.0	▬	0.5%	-1.1%	-5.6%	1,601.9	▲	76.6%	155.9%	95.1%	77.2	▲	73.9%	158.3%	96.9%	
Thực phẩm	547.6	▼	-0.2%	-0.3%	-1.1%	1,409.4	▼	-1.8%	80.9%	-12.5%	34.9	▼	-16.2%	73.5%	-18.3%	
Bán Lẻ	1,610.3	▲	1.2%	1.2%	1.2%	696.0	▼	-26.8%	37.1%	-11.1%	9.3	▼	-33.4%	37.7%	-11.7%	
Công nghệ	503.2	▼	-1.0%	0.6%	-1.2%	556.7	▼	-22.4%	51.8%	3.4%	7.0	▼	-28.1%	36.1%	-19.3%	
Hóa chất	158.4	▲	3.62%	0.6%	-8.5%	746.5	▼	-2.5%	53.3%	10.2%	20.9	▲	3.4%	88.3%	27.2%	
Tiện ích	757.0	▲	3.8%	1.6%	9.8%	670.6	▼	-1.1%	139.3%	104.3%	23.8	▲	12.3%	132.0%	53.4%	
Dầu khí	80.5	▲	4.28%	-1.5%	7.5%	1,133.1	▲	24.5%	231.0%	173.3%	43.2	▲	16.9%	208.8%	133.3%	
Dược phẩm	433.7	▼	-0.4%	1.3%	1.2%	25.1	▼	-45.0%	-39.4%	-58.8%	1.4	▼	-23.5%	-4.5%	-62.2%	
Bảo hiểm	99.0	▲	5.9%	-3.9%	7.5%	84.6	▲	88.2%	214.2%	85.4%	2.5	▲	113.8%	243.3%	81.8%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,816.3 ▲	1.6%	43.4%	17.4x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,275 ▼	-0.4%	-9.0%	13.7x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,934 ▬	0.8%	26.2%	22.2x	2.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,328 ▼	-0.18%	-2.0%	16.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,318 ▲	2.49%	-3.2%	10.3x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,084 ▲	1.50%	21.8%	19.2x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,710 ▲	1.38%	33.2%	13.4x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	52,518 ▲	1.3%	31.6%	21.9x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,902 ▬	0.64%	17.3%	27.6x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,977 ▲	1.23%	15.1%	25.3x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,055 ▬	0.50%	23.0%	15.1x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,901 ▼	-0.39%	20.5%	17.8x	2.5x
DXV		98.4 ▼	-0.04%	-9.3%		
USDVND		26,277 ▬	0.02%	3.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

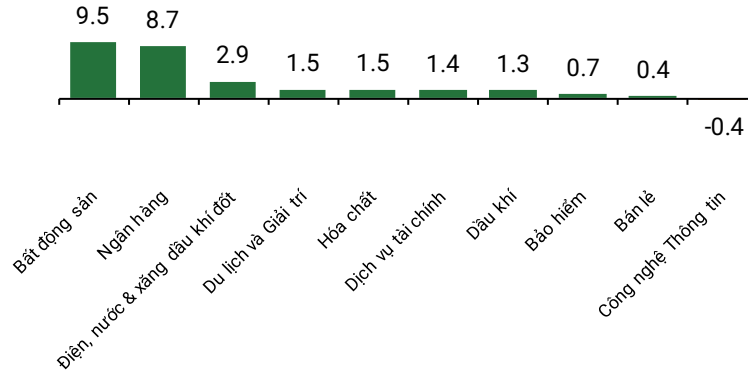
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.5%	-2.7%	-16.9%	-18.7%
Dầu WTI	▬	0.4%	-2.5%	-18.3%	-20.4%
Khí gas	▼	-1.9%	-34.7%	-4.9%	-5.9%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-9.7%	-13.7%	-13.7%
Thép HRC (*)	▼	-0.5%	-1.6%	-6.3%	-5.1%
PVC (*)	▲	2.4%	-0.2%	-11.5%	-11.5%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	4.0%	10.4%	10.4%
Cao su thiên nhiên	▲	1.8%	7.8%	-6.3%	-0.2%
Bông Cotton	▲	2.1%	5.2%	-4.5%	-4.9%
Đường	▬	0.8%	-0.5%	-23.6%	-23.8%
World Container Index	▬	0.0%	14.9%	-41.8%	-43.3%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-9.9%	-14.2%	28.2%	43.3%
Vàng	▲	2.8%	6.1%	69.7%	68.9%
Bạc	▲	7.0%	33.5%	169.5%	160.0%

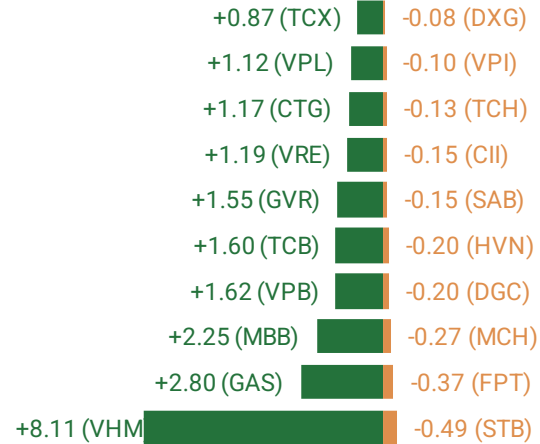
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

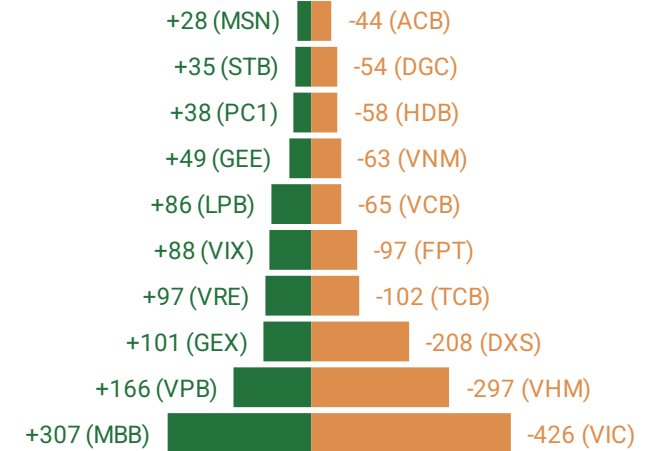
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



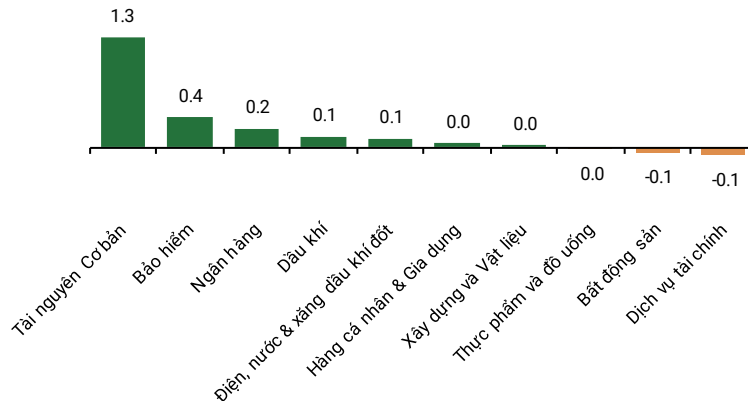
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



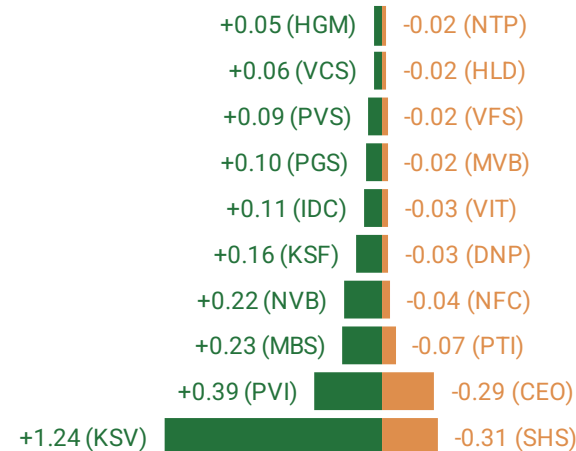
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



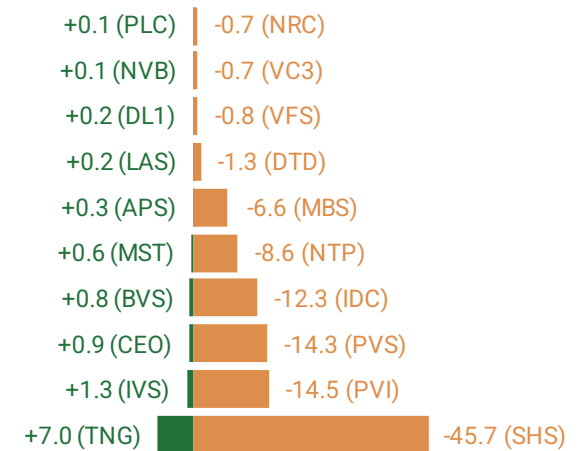
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	MBB	VIC	SHB	VHM	HPG
%DoD	5.1%	0.0%	0.6%	6.9%	0.0%
Giá trị	1,887	1,339	1,240	1,199	1,023

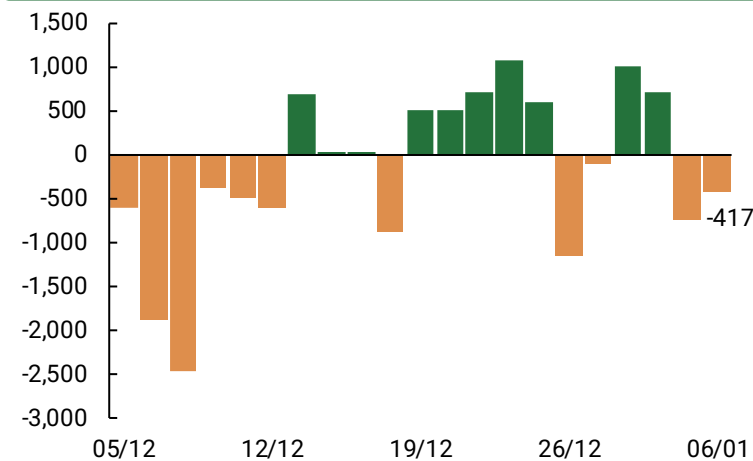
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	EIB	VPB	HPG	MCH	PC1
%DoD	1.2%	3.4%	0.0%	-0.5%	7.0%
Giá trị	741	417	283	252	247

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



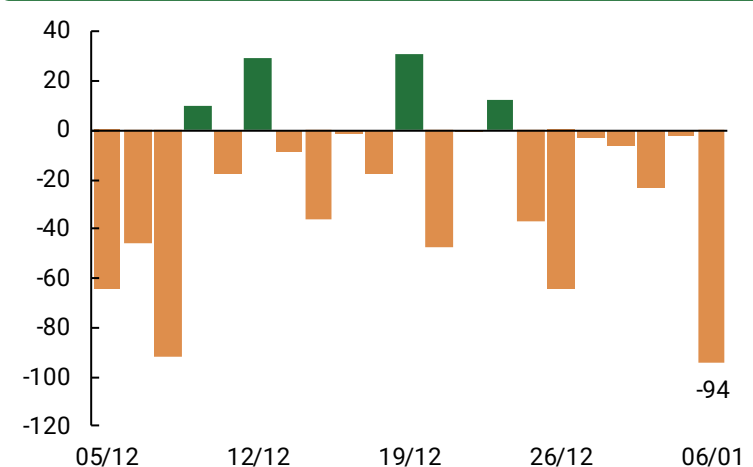
	SHS	PVS	CEO	MBS	PVC
%DoD	-3.1%	0.8%	-4.3%	2.4%	6.0%
Giá trị	489	321	309	107	51

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	IDC	C69	PVC	PVS
%DoD	0.0%	1.4%	0.8%	6.0%	0.8%
Giá trị	278	178	6	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến tăng Marubozu, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 - 1780.
- ✓ Kháng cự: 1850.
- ✓ Chỉ báo RSI gần tiếp cận mức quá mua.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá quanh ngưỡng 1800.

Kịch bản: Chỉ số vượt đỉnh lịch sử nhưng thanh khoản chưa đủ lớn để xác nhận động lực tăng. Vận động khả năng hạ nhiệt để củng cố thêm nền giá quanh ngưỡng 1800 điểm. Chỉ báo RSI cũng gần tiếp cận mức quá mua cho thấy động lượng đi lên dễ chứng lại. Kháng cự tiềm năng hiện quanh ngưỡng 1850 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Marubozu, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2000.
- ✓ Kháng cự: 2080.
- ✓ Chỉ báo RSI gần tiếp cận mức quá mua.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng đỉnh cũ.

➔ Chỉ số vượt lên đỉnh cũ nhưng thanh khoản chưa đủ lớn để xác nhận. Vận động khả năng hạ nhiệt củng cố thêm nền giá quanh đây. Khu vực tâm lý 2000 điểm hiện là hỗ trợ gần cho xu hướng, trong khi kháng cự tiềm năng là ngưỡng 2080 – 2100 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	PLX	TAKE PROFIT	Current price		38.75	P/E (x)	18.5
Exchange	HOSE		Action price		35.1 - 35.5	P/B (x)	1.9
Sector	Exploration & Production		Take profit price (7/1)		38.8 - 39.5	9.8%	2090.2
						ROE	10.3%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá tiếp cận vùng cản mục tiêu 39 - 40.
 - Chỉ báo RSI tiến về vùng quá mua 70 có thể khiến động lượng tăng chững lại.
 - Giá tăng nhanh dễ hạ nhiệt để củng cố lại đà.
- ➔ Xu hướng khả năng điều chỉnh khi tiếp cận vùng cản.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp tăng rớt trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	DHC	BUY	Current price		34.1	P/E (x)	10.7
Exchange	HOSE		Action price	07/01	33.6 - 34	P/B (x)	1.52
Sector	Paper		Target price		37	EPS	3181.6
			Cut loss		32	ROE	14.8%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20 ngày.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường tín hiệu và ở miền dương, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng khả năng thoát khỏi nhịp điều chỉnh và trở lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PLX	Chốt lời	07/01/2026	38.8	38.8 - 39.5	9.8%	39.0	10.5%	34	-3.7%	
2	DHC	Mua	07/01/2026	34.1	33.6 - 34	-	37.0	9.5%	32	-5.3%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NTP	Nắm giữ	03/12/2025	11/12/2025	63.70	63.8 - 64.2	-0.5%	71.0	10.9%	61.5	-3.9%	Nâng cắt lỗ 61.5
2	DBC	Nắm giữ	04/12/2025	24/12/2025	26.70	27.3 - 27.6	-2.9%	30.5	10.9%	26.5	-3.6%	Nâng cắt lỗ 26.5
3	POW	Mua	19/12/2025	-	12.75	12.1 - 12.3	4.5%	14.0	14.8%	11.4	-6.6%	
4	KLB	Mua	23/12/2025	-	16.80	16.8 - 17.2	-1.2%	20.0	17.6%	15.8	-7.1%	
5	VNM	Mua	25/12/2025	-	60.80	61 - 61.5	-0.7%	68.0	11.0%	58.0	-5.3%	
6	PC1	Mua	31/12/2025	-	24.5	22.3 - 22.7	8.9%	25.0	11.1%	21.0	-6.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2062, tăng 37.9 điểm (+1.9%). Vận động lưỡng lự trong phiên sáng nhưng đã bứt phá thuyết phục vào phiên chiều với phe Long chiếm ưu thế.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá xác nhận vượt đỉnh 2050 nên khu vực quanh đây sẽ trở thành hỗ trợ cho xu hướng. Dù vậy, chỉ báo RSI đã tiếp cận mức quá mua, bên cạnh đó, ở khung đồ thị 15 phút cũng đạt trạng thái tương tự, cho thấy động lượng tăng dễ chững lại. Vận động có khả năng điều chỉnh để củng cố lại đà. Vị thế Long có thể chờ khi giá hạ nhiệt và kiểm định tốt vùng 2050 – 2055, hoặc khi giá bứt phá thuyết phục trên ngưỡng 2065. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2045.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1937, tăng 30.9 điểm (+1.6%). Độ lệch basis 1.1 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 79 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1925 - 1930, trong khi kháng cự là ngưỡng 1960.

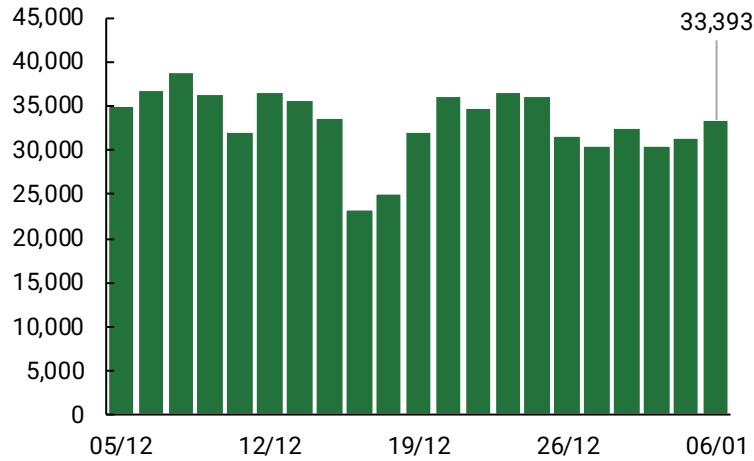
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2056	2068	2048	12 : 08
Long	> 2065	2080	2055	15 : 10
Short	< 2045	2033	2053	12 : 08

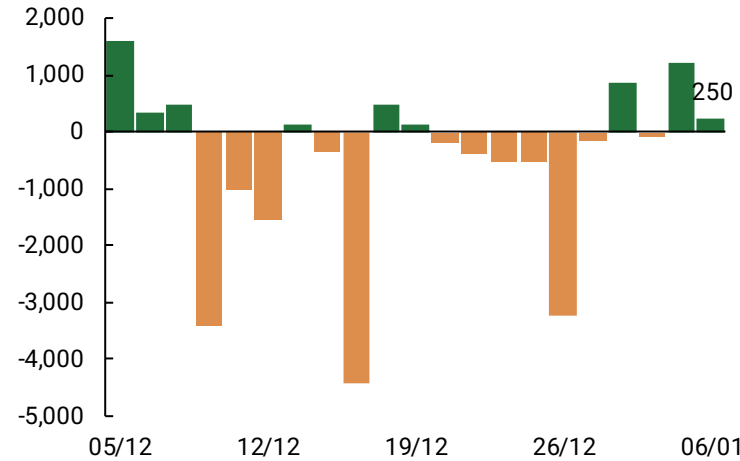
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	2,050.0	39.4	88	276	2,065.2	-15.2	18/06/2026	163
41I1G3000	2,054.5	37.2	77	528	2,060.0	-5.5	19/03/2026	72
41I1G2000	2,058.0	37.9	1,351	1,422	2,058.1	-0.1	13/02/2026	38
41I1G1000	2,062.0	37.9	290,912	33,393	2,056.5	5.5	15/01/2026	9
41I2G1000	1,937.0	30.9	79	29	1,936.4	0.6	15/01/2026	9

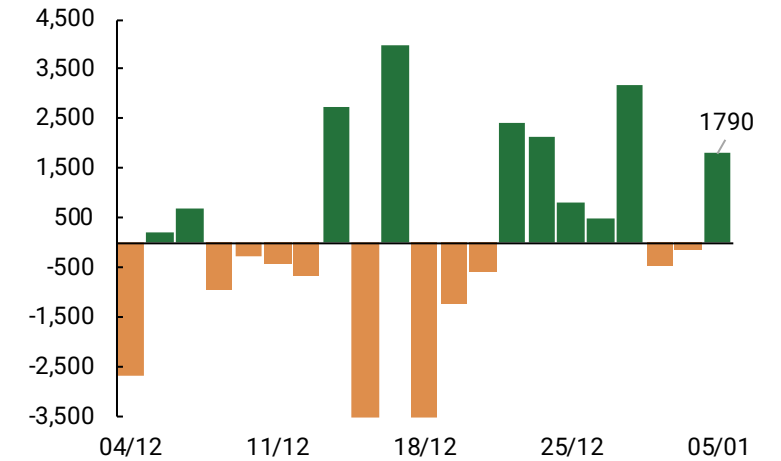
Khối lượng mở (Open interest)



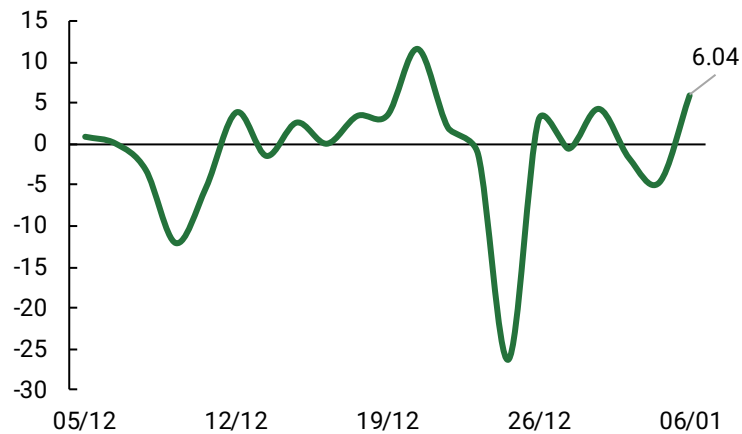
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



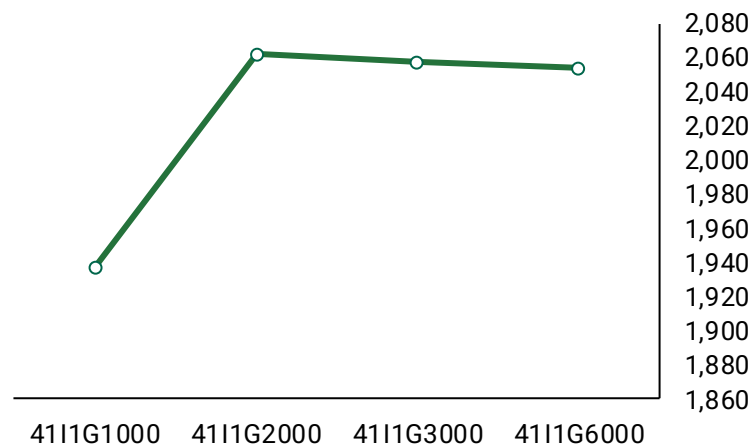
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



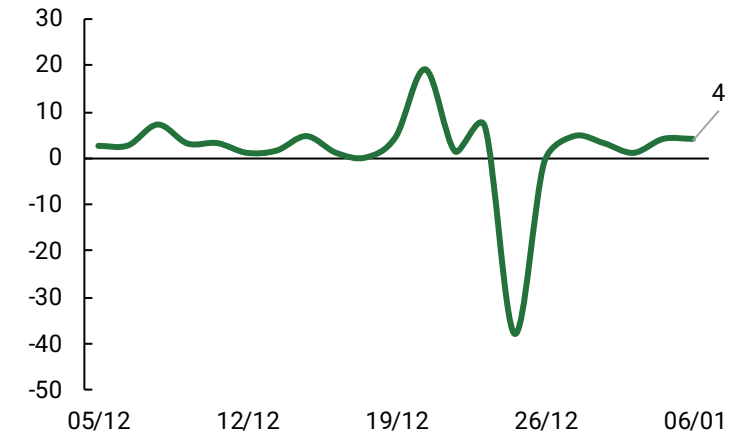
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	74,300	65,400	-12.0%	Bán
BCM	63,800	74,500	16.8%	Tăng tỷ trọng
CTD	74,000	87,050	17.6%	Tăng tỷ trọng
CTI	22,200	27,200	22.5%	Mua
DBD	48,450	68,000	40.4%	Mua
DDV	25,401	35,500	39.8%	Mua
DGC	63,000	99,300	57.6%	Mua
DGW	42,200	48,500	14.9%	Tăng tỷ trọng
DPG	36,600	53,100	45.1%	Mua
DPR	39,200	46,500	18.6%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,434	17,200	28.0%	Mua
EVF	10,900	14,400	32.1%	Mua
FRT	152,400	135,800	-10.9%	Bán
GMD	60,400	72,700	20.4%	Mua
HAH	57,800	67,600	17.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	26,000	33,800	30.0%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	25,950	30,200	16.4%	Tăng tỷ trọng
IMP	51,800	55,000	6.2%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,650	22,700	-14.8%	Bán
MSH	32,350	43,100	33.2%	Mua
MWG	88,800	92,500	4.2%	Nắm giữ
NLG	30,500	39,900	30.8%	Mua
NT2	24,800	27,400	10.5%	Tăng tỷ trọng
PHR	58,300	72,800	24.9%	Mua
PNJ	98,700	96,800	-1.9%	Giảm tỷ trọng
PVT	19,200	18,900	-1.6%	Giảm tỷ trọng
SAB	47,550	59,900	26.0%	Mua
TLG	51,200	53,400	4.3%	Nắm giữ
TCB	36,000	35,650	-1.0%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,150	37,900	44.9%	Mua
TRC	78,300	95,800	22.3%	Mua
VCG	22,150	26,200	18.3%	Tăng tỷ trọng
VHC	55,700	60,000	7.7%	Nắm giữ
VNM	60,800	66,650	9.6%	Nắm giữ
VSC	19,700	17,900	-9.1%	Giảm tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 05/01 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 06/01 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
- 09/01 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 13/01 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/01 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- 15/01 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
- 19/01 Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy
Việt Nam - Công bố thành phần VN30
- 20/01 Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 22/01 Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
- 28/01 Canada - BOC họp và công bố lãi suất
- 27 – 28/01 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
- 30/01 Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

THÔNG TIN VĨ MÔ

Tăng trưởng GDP năm 2025 ước đạt 8,02%, mảng dịch vụ đóng góp lớn nhất: Trong năm 2025, GDP của Việt Nam ước tăng 8,02% chỉ thấp hơn năm 2022 trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay. Như vậy, GDP của Việt Nam đã đạt khoảng 514 tỷ USD. Kết quả này duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 7,05%, quý II tăng 8,16%, quý III tăng 8,25% và quý IV/2025 ước tăng 8,46%).

Giá heo hơi tăng phi mã 24% chỉ trong 1 tháng: Tính đến ngày 31/12/2025, giá heo hơi trung bình 3 miền Bắc - Trung Nam dao động trong khoảng 63.000 - 66.000 đồng/kg, tăng 24% so với cuối tháng 11/2025. Bước sang những ngày đầu năm 2026, giá heo hơi duy trì đà tăng, trung bình 64.000 - 69.000 đồng/kg, tùy địa phương. Giá tăng mạnh trong bối cảnh nhu cầu vào cuối năm tăng lên, phục vụ cho các dịp lễ, Tết. Trong khi đó, nguồn cung thời gian qua cũng ảnh hưởng do tình hình dịch bệnh, mưa lũ.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TNG lập doanh thu kỷ lục hơn 8,600 tỷ đồng: CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đạt doanh thu kỷ lục 8,696 tỷ đồng năm 2025, vượt 107% kế hoạch và tăng 14% so với năm trước. Quý IV và năm 2026 hưởng lợi từ thị trường EU ổn định, với khách hàng lớn Decathlon chiếm 34% doanh thu. Thị trường Mỹ chiếm 50% doanh thu, được hỗ trợ bởi xu hướng dịch chuyển đơn hàng khỏi Trung Quốc dù chịu áp lực thuế 20% và rủi ro quy định nội địa hóa. Công ty duy trì lợi thế khách hàng lớn, năng lực sản xuất quy mô và hướng đến đơn hàng giá trị gia tăng, kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng doanh thu năm 2026.

DGW - Digiworld lần đầu chạm mốc doanh thu tỷ USD: Lũy kế năm 2025, Doanh thu của Digiworld ước đạt 26.748 tỷ đồng (hơn 1 tỷ USD), tăng 21% so với năm 2024 và cao hơn hơn 5% so với kế hoạch doanh thu đã đề ra (25.450 tỷ đồng). Riêng trong quý IV, doanh thu của doanh nghiệp đạt gần 8.200 tỷ đồng, tăng khoảng 40% so với cùng kỳ năm trước. Động lực tăng trưởng đến từ các ngành hàng kinh doanh cốt lõi. Trong đó, mảng máy tính xách tay và máy tính bảng ghi nhận mức tăng trưởng trên 80% so với cùng kỳ.

DIG chuyển nhượng hơn 451.000 m2 tại Khu Đô thị Du lịch Sinh thái Đại Phước, thu về gần 3.000 tỷ đồng: Ngày 31/12/2025, DIG ban hành nghị quyết chuyển nhượng tổng cộng 451.334 m² tại Khu Đô thị Du lịch Sinh thái Đại Phước, gồm Phân khu 7.1 cho Everland An Giang (143.906 m², giá trị hơn 489 tỷ đồng) và Phân khu 1,2,3 cho TNT Phú Hòa (307.428 m², giá trị hơn 2.465 tỷ đồng). Dự án 465 ha, tổng đầu tư 7.506 tỷ đồng, đã hoàn tất pháp lý, sẵn sàng chuyển nhượng. DIG cũng nâng tỷ lệ sở hữu tại DIC Hospitality lên 99,36%, dù năm 2024 công ty này báo lỗ sau thuế 25,5 tỷ đồng.

GMD - SSJ Consulting đăng ký bán ra 19,69 triệu cổ phiếu Gemadept: Công ty TNHH SSJ Consulting (Việt Nam), liên quan ông Iida Shuntaro - Thành viên HĐQT Gemadept, đăng ký bán toàn bộ 19,692,496 cổ phiếu GMD từ 4,62% về 0% vốn điều lệ, giao dịch dự kiến từ 9/1 đến 30/1/2026 qua khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Trước đó từ 8/12 đến 26/12/2025 đã bán 10 triệu cổ phiếu, giảm sở hữu từ 6,96% về 4,62%. Trong 9 tháng đầu năm, GMD đạt doanh thu 4,331.2 tỷ (+26.6%), lợi nhuận tăng nhẹ 0.9% đạt 1,564.2 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành 98.4% kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2025.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415